TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 / 2017/ HNGĐ-ST.
Ngày: 07/9/ 2017.
V/v: " Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Chịu

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Bà Lê Thị Thanh Thuấn.
+ Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Trần Thị Vĩnh Phúc – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên Tòa:* Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 9 năm 2017. Tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 252/ 2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017, về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/ 2017/ QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Kim T – sinh năm 1991; Trú tại: Lê Hồng P, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

* ***Bị đơn***: Anh Đinh Hoàng T – sinh năm 1990; Trú tại: Lê L, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị T và anh Đinh Hoàng T tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân phường 5, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 9/2014 ngày 16/01/2014 trên cơ sở tự nguyện. Qua thời gian chung sống hạnh phúc, có một con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đinh Hoàng T.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai người bất đồng quan điểm, chị T thiếu tin tưởng trong tình cảm vợ chồng; anh T không lo lắng gì đến cuộc sống vợ con. Anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị T và anh T ngày càng mâu thuẫn gay gắt, mặc dù gia đình và chị T nhiều lần khuyên giải để hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng tình trạng không thể khắc phục được.

Vợ chồng tự sống xa nhau từ tháng 4/2017 cho đến nay, không chung sống với nhau được nữa, không còn tình thương vợ chồng, nên chị T xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T có 01 con chung tên là Đinh Hoàng Gia B, sinh ngày 19/11/2014, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến ngày 24/6/2017 thì bị anh T giành bắt lấy con Đinh Hoàng Gia B đem về phía gia đình anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Hoàng T trình bày: Vợ chồng tôi kết hôn vào năm 2014, được Uỷ ban nhân dân phường 5, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 9/2014 ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 01 con chung. Việc chị T nghi ngờ tôi ngoại tình chỉ là do nghe thông tin bên ngoài. Tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng nên tôi không đồng ý ly hôn. Mong Toà án xem xét giải quyết cho vợ chồng tôi được đoàn tụ. Khi ly hôn, anh T yêu cầu xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần đến Tòa để hòa giải, nhưng hai bên không đoàn tụ được. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm Phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Hai bên có tranh chấp về ly hôn và con chung; bị đơn anh Đinh Hoàng T có nơi cư trú tại địa chỉ : Lê L, phường 5, thành phố T, Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đinh Hoàng T tự tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/01/2014 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do trong cuộc sống chị T, anh T thiếu tin tưởng trong tình cảm vợ chồng, thường gây mâu thuẫn, nên chị T, anh T không quan tâm gì đến nhau, mặc dù chị T và gia đình nhiều lần khuyên giải để hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tình trạng không thể khắc phục được. Chị T và anh T thật sự không còn

tình thương. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; anh T đồng ý ly hôn với chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T có 01 con chung tên là Đinh Hoàng Gia B, sinh ngày 19/11/2014, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến ngày 24/6/2017 thì bị anh T giành bắt lấy con Đinh Hoàng Gia B đem về phía gia đình anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét việc yêu cầu được nuôi con chung của chị T, anh T: Theo quy định pháp luật là "Do vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con. Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...". Như vậy, con chung của chị T, anh T tên là Đinh Hoàng Gia B, Từ khi sinh ra ngày 19/11/2014 cho đến ngày 24/6/2017, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đến nay (Ngày 07/9/2017) con chung Đinh Hoàng Gia B mới chỉ được 33 tháng 19 ngày tuổi, nên sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ là rất cần thiết. Chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi ly hôn, chị T yêu cầu xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung đối với con chưa thành niên dưới 36 tháng tuổi là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét. Anh Đinh Hoàng T là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với bị đơn anh Đinh Hoàng T.

Về con chung: Giao 01 con chung tên là Đinh Hoàng Gia B, sinh ngày 19/11/2014, cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh Hoàng T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại phiếu thu số 0004931 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên.
- VKSND TP. T.
- Chi cục THADS TP. T.
- Các đương sự.
- UBND phường 5, TP. T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Ngô Chịu